

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-PT  
Ngày 09-01-2024  
V/v “Tranh chấp đòi lại quyền  
sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng

Bà Phạm Thị Hồng Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**

Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 09 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-PT ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 478/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn Q, sinh năm 1977 và bà Đinh Thị Hồng T, sinh năm 1978; Cùng cư trú tại: Số nhà I, đường T, khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Văn Hiến T1, sinh năm 1983; cư trú tại: ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền ngày 14/10/2022); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1957; cư trú tại: Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Trần Quốc T2, sinh năm 1987; cư trú tại: Số A, đường N, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền ngày 11/01/2023); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (không triệu tập)

3.1. Ngân hàng thương mại cổ phần S2 (viết tắt là S3); Trụ sở: Số B N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng S3: Ông Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hà Văn S1 - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch huyện T trực thuộc chi nhánh tỉnh T (quyết định uỷ quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022);

3.2. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1940; cư trú tại: khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

4. Người kháng cáo: Bị đơn.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Dương Văn Q và bà Đinh Thị Hồng T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01/6/2007, vợ chồng ông Q, bà T được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSD đất) số H01783 ngày 01/6/2007 diện tích 627 m<sup>2</sup> thuộc thửa 40, tờ bản đồ số 43, đất tọa lạc tại khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Nguồn gốc đất do ông Q, bà T nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Phú Q1 ngày 08/5/2007 toàn bộ diện tích theo giấy được cấp 627 m<sup>2</sup>. Hiện Giấy CNQSD đất số H01783 ông Q, bà T đang thế chấp vay Ngân hàng thương mại cổ phần S2 - chi nhánh T, phòng giao dịch huyện T.

Năm 2010 ông Q, bà T xây nhà trên đất (ngang 7,2 m x dài 35 m) về hướng Nam giáp đất ông T3, phần diện tích còn lại về hướng Bắc giáp đất bà L, ông C1 (con bà D1) để trống, không làm hàng rào phân ranh.

Bà Trần Thị S có nhà, đất phía sau đất ông, bà. Bà S đi ra đường T theo phần lối đi mà trước đó khi bà S mua đất của bà D1 thì bà D1 có chừa cho bà S lối đi nhỏ chiều ngang 01 m x chiều dài dọc theo đất của ông Q, bà T. Năm 2017, bà S có yêu cầu ông Q chừa ra thêm 0,8 m đất chiều ngang bên đất ông Q để bà S sử dụng làm lối đi vào nhà bà S cho thông thoáng. Khi ông Q ký giấy tay cho đất bà S thì chưa được sự đồng ý của vợ là bà T, nay bà T không đồng ý việc ông Q sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng cho bà S làm lối đi.

Bà S sử dụng lối đi và ngày càng lấn vào đất ông Q, bà T, hiện nay diện tích con đường đất này đã là ngang 3,2 m x chiều dài hết đất ông Q, bà T.

Nay ông Q, bà T yêu cầu bà Trần Thị S trả lại phần đất chiều ngang 2,2m x chiều dài 58m thuộc một phần thửa 40, tờ bản đồ số 43, đất tọa lạc tại khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đất thuộc Giấy CNQSD do ông Q, bà T đứng tên. Phần đất có tứ cận: hướng Đông giáp đường T; hướng Tây giáp đất bà Trần Thị S, hướng Nam giáp phần còn lại đất ông Q, bà T; hướng Bắc giáp đất



ông **Lê Minh C2**. Hiện trạng trên đất tranh chấp, bà **S** có dựng 04 cây trụ điện, ông, bà, yêu cầu di dời.

**Bị đơn - bà Trần Thị S và người đại diện theo hợp pháp của bà S trình bày:**

Bà **S** đang quản lý, sử dụng phần đất diện tích 1.799 m<sup>2</sup> thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 43 tọa lạc tại **khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh**. Nguồn gốc đất do bà **S** nhận chuyển nhượng của bà **Nguyễn Thị D1** khoảng năm 1980, hiện trạng khi nhận chuyển nhượng đất này đã có sẵn con đường về hướng Đông mà ông **Q** đang tranh chấp.

Để thuận tiện cho việc làm giấy tờ đất và tránh trường hợp tranh chấp nên vào ngày 01/01/2006 bà **D1** có làm giấy viết tay xác nhận cho bà **S** phần đất chiều ngang 01 m x dài từ hướng giáp **đường T** đến đất bà **S** đang ở hiện nay để bà **S** làm đường đi.

Ngày 25/9/2017, ông **Q** ký đơn xác nhận cho bà **S** “8 tấc đất” tức 0,8 m đất chiều ngang để làm đường đi chung. Hiện nay phần đất ông **Q**, bà **T** đang tranh chấp là lối đi duy nhất của bà **S**.

Bà **S** không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Q**, bà **T** vì phần lối đi này đã hình thành cách đây 30 năm, chủ đất cũ bà **D1** và chủ đất hiện nay ông **Q** đều có văn bản ký xác nhận chừa đường đi cho bà **S** con đường như hiện nay ngang 3 m, dài hết đất ông **Q**. Bà **S** yêu cầu giữ nguyên hiện trạng con đường này.

**Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần S2 (viết tắt là S3) trình bày:**

Vào ngày 18/3/2022 ông **Dương Văn Q**, bà **Đinh Thị Hồng T** có vay **Ngân hàng S3** số tiền 1.500.0000.000 đồng, mục đích vay vốn kinh doanh, thời hạn vay đến ngày 07/5/2024, lãi suất thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng số 202226573218. Khi vay ông **Q**, bà **T** có thế chấp Giấy CNQSD đất số H01783 ngày 01/6/2007 diện tích 627 m<sup>2</sup> thuộc thửa 40, tờ bản đồ số 43, đất tọa lạc tại **khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh**. Trong quá trình vay vốn đến thời điểm hiện nay ông **Q**, bà **T** thanh toán đúng thỏa thuận hợp đồng đã ký kết.

Trong vụ án này, **Ngân hàng S3** không có ý kiến và cũng không tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị D1 trình bày:**

Nguồn gốc phần đất ông **Q**, bà **T** đang sử dụng là đất do bà khai phá, sau đó bà cho bà **Sáu G** (không nhớ họ tên), lúc này đất của bà chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Sau khi bà **Sáu G** chết, các con bà **Sáu G** chuyển nhượng phần đất này cho người khác rồi sau này chuyển nhượng lại cho ông **Q1**, bà **C**. Ông **Q1**, bà **C** tiếp tục chuyển nhượng lại cho ông **Q**, bà **T** ở hiện nay. Còn phần đất của bà **Trần Thị S** là do bà chuyển nhượng miệng cho bà **S** phần đất phía sau đất bà **Sáu G**, do thời gian đã lâu nên bà không nhớ chuyển nhượng năm nào. Đất của bà **S** ở phía trong không có đường đi nên bà có chừa cho bà **S** 01 m ngang đất

làm đường đi về hướng Đông (ra đường T như hiện nay). Từ ngày bà cho đất bà S làm đường đi thì gia đình bà S vẫn đi con đường này, đúng với vị trí đất ông Q đang tranh chấp. Hiện bà không còn đất ở khu vực này vì bà đã tặng cho các con.

*\* Tại bản án sơ thẩm số 43/2023/DS-PT ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:*

Căn cứ vào các Điều 166, 170 Luật Đất đai năm 2013; Điều 33, Điều 34 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Q, bà Đinh Thị Hồng T đối với bà Trần Thị S về việc “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất”.**

Buộc bà Trần Thị S trả cho ông Dương Văn Q, bà Đinh Thị Hồng T diện tích đất 116 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 40, tờ bản đồ số 43 được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số H01783 ngày 01/6/2007 do ông Dương Văn Q, bà Đinh Thị Hồng T đứng tên. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đường T dài 1,67m;

Hướng Tây giáp đất bà S dài 2,51 m;

Hướng Nam giáp đất ông Q, bà T dài 24,62 m +30,48 m;

Hướng Bắc giáp phần còn lại sau khi giao cho bà S dài 55,54 m.

Đất tọa lạc tại khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Hiện trạng trên đất có 04 trụ điện của bà Trần Thị S, bà S có trách nhiệm di dời 04 trụ điện trả lại đất cho ông Q, bà T.

**2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Q, bà Đinh Thị Hồng T về việc yêu cầu bà Trần Thị S hoàn trả cho ông Dương Văn Q, bà Đinh Thị Hồng T diện tích đất 22,3 m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 40, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.**

Hướng Đông giáp thửa 57 (bản đồ chính quy) dài 0,4 m;

Hướng Tây giáp đất bà Trần Thị S dài 0,4 m;

Hướng Nam giáp đất ông Q, bà T dài 55,54 m;

Hướng Bắc giáp đất ông Lê Minh C2 dài 55,54 m.

Đất tọa lạc tại: Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Hiện trạng đất trống.

*(Kèm theo Bản án là sơ đồ đất số 157 ngày 30/3/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ)*

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.



Ngày 11/10/2023, bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần án sơ thẩm; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần đất 0,8 m ngang đã thỏa thuận làm lối đi chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

[1.1] Phần đất ông **Q** tranh chấp chiều ngang 2,2 m, chiều dài 58 m, đo đạc thực tế có diện tích 145,7 m<sup>2</sup> (chiều ngang mặt tiền 2,07 m (mặt giáp **đường T**), chiều ngang mặt hậu 2,91 m (mặt giáp đất bà **S**) thuộc một phần thửa 40, tờ bản đồ số 43 tọa lạc tại **khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh**, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01783 ngày 01/6/2007 do Ủy ban nhân dân huyện **T**, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông **Dương Văn Q**, bà **Đinh Thị Hồng T** đứng tên (thửa mới thuộc một phần thửa 56, 57, tờ bản đồ 07 bản đồ chính quy). Phần đất này hiện bà **S** đang sử dụng làm lối đi vào nhà bà **S**, trong đó, hiện trạng lối đi có chiều ngang mặt tiền 3,07 m (mặt giáp **đường T**), chiều ngang mặt hậu 3,91 m (mặt giáp đất bà **S**) trên lối đi này, bà **S** có cắm 01 hàng 04 trụ điện bằng bê tông.

[1.2] Qua đo đạc thực tế và xem xét trên bản đồ địa chính thời điểm cấp GCNQSDĐ cho bà **S**, ông **C**, ông **Q** thể hiện phần đất tranh chấp thuộc GCNQSDĐ của ông **Q**, bà **T** được cấp năm 2007; phần đất bà **S** được cấp GCNQSDĐ năm 2005, không thể hiện có lối đi. Ranh đất theo GCNQSDĐ cấp cho ông **Q** không trùng với ranh bản đồ địa chính hiện nay ở cạnh hướng Đông (giáp **đường T**) và hướng Tây (giáp đất bà **S**) là do chênh lệch tọa độ giữa 02 hệ thống bản đồ.

[1.3] Các đương sự đều xác định phần đất của bà **S**, ông **Q** đều có nguồn gốc của bà **D1** khai phá. Khi bà **D1** chuyển nhượng đất cho bà **S** có chừa lối đi cho bà **S**. Quá trình sử dụng đất, bà **S** yêu cầu các chủ sử dụng đất giáp lối đi làm giấy xác nhận cho bà nhằm khẳng định giá trị pháp lý của lối đi cho gia đình

bà, theo đó, sau khi bà S được cấp GCNQSDĐ năm 2005 thì năm 2006 bà D1 xác nhận cho bà S lối đi 01 m ngang giáp đất bà D1 (hiện nay anh C2 con bà D1 đang quản lý sử dụng). Qua đo đạc hiện trạng và đối chiếu với bản đồ cấp GCNQSDĐ, thể hiện diện tích đất của anh C2 đang sử dụng có chừa 01 m ngang phía ngoài ranh đất hiện trạng của anh C2. Năm 2017, ông Q xác nhận cho bà S 0,8 m đất để làm lối đi chung. Bà S cho rằng lối đi chiều ngang 3,2 m đã hình thành trên 30 năm nhưng không có chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày này của bà S. Những người sống lâu năm tại khu vực đất tranh chấp xác định có lối đi nhưng không rõ bao nhiêu mét. Tuy nhiên, khi bà D1, anh C2, bà C, ông Q được cấp GCNQSDĐ và xác nhận lối đi chỉ có 1,8 m ngang thì bà S không có ý kiến hay tranh chấp gì. Phần đất anh Q đang sử dụng cũng bị thiếu so với GCNQSDĐ được cấp. Cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp thuộc giấy CNQSDĐ của anh Q, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Q là có căn cứ.

[1.4] Đối với phần đất 0,8 m ông Q xác nhận cho bà S làm lối đi chung, xét thấy: Ông Q, bà T là vợ chồng, việc ông Q xác nhận cho bà S 0,8 m để làm lối đi chung từ năm 2017, bà T không có ý kiến về việc tặng cho này. Hơn nữa, giữa ông Q và bà S thoả thuận 0,8 m đất này để làm lối đi chung của bà S và ông Q, không phải tặng cho riêng bà S. Do đó, cấp sơ thẩm chỉ công nhận 0,4 m của ông Q nhập vào lối đi chung là không phù hợp với thực tế và không đảm bảo được mục đích sử dụng đất làm lối đi chung theo thoả thuận của hai bên. Nên cần công nhận 0,8 m đất này ông Q, bà T thoả thuận làm lối đi chung với bà S.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa một phần bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Tổng cộng chi phí là 22.311.000 đồng; ông Dương Văn Q, bà Đinh Thị Hồng T và bà Trần Thị S phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị S, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-PT ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 166, 170 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, 29; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.



1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Q, bà Đinh Thị Hồng T đối với bà Trần Thị S về việc “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất”.

1.1. Buộc bà Trần Thị S trả cho ông Dương Văn Q, bà Đinh Thị Hồng T diện tích đất 96,6 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 40, tờ bản đồ số 43 được (một phần thửa 56, 57 tờ bản đồ 07) Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01783 ngày 01/6/2007 do ông Dương Văn Q, bà Đinh Thị Hồng T đứng tên. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đường T dài 1,27 m;

Hướng Tây giáp đất bà S dài 2,58 m;

Hướng Nam giáp đất ông Q, bà T dài 24,62 m + 30,48 m + 2,59 m;

Hướng Bắc giáp phần còn lại sau khi giao cho bà S dài 55,53 m + 3,03 m.

1.2. Buộc bà Trần Thị S di dời 04 trụ điện trên thửa đất nêu tại mục 1.1 này.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Q, bà Đinh Thị Hồng T về việc yêu cầu bà Trần Thị S hoàn trả cho ông Dương Văn Q, bà Đinh Thị Hồng T diện tích đất 45,6 m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 40, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Hướng Đông giáp đường T dài 0,8 m;

Hướng Tây giáp đất bà Trần Thị S dài 0,8 m;

Hướng Nam giáp đất ông Q, bà T dài 3,03 m + 55,53 m;

Hướng Bắc giáp đất ông Lê Minh C2 dài 3,32 m + 55,54 m.

Các thửa đất tọa lạc tại: Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

(Kèm theo Bản án là 02 sơ đồ đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ)

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá:

Ông Dương Văn Q, bà Đinh Thị Hồng T phải chịu số tiền 6.693.300 đồng (Sáu triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn ba trăm đồng). Ghi nhận đã thanh toán chi phí xong.

Buộc bà Trần Thị S có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Dương Văn Q, bà Đinh Thị Hồng T số tiền 15.617.700 đồng (mười lăm triệu sáu trăm mười bảy nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày ông Dương Văn Q, bà Đinh Thị Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bà S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị S được miễn nộp.

Ông Dương Văn Q, bà Đinh Thị Hồng T không phải chịu, được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004255 ngày 06 tháng 01 năm 2023 và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004560 ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

5. Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- TAND huyện Tân Biên;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Hồng Mai**